

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày: 29-11-2019

**V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi - **Thư ký** Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu **xét xử sơ thẩm công khai vụ án** thụ lý số: 01/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về **tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 09/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Kim T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Khuru Thị Y, sinh năm: 1989.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2019 của nguyên đơn - chị Trịnh Thị Kim T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 27 tháng 7 năm 2016, chị có cho chị Khuru Thị Y mượn số tiền 10.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không thỏa thuận thời gian trả nợ, khi mượn có lập giấy mượn tiền do chị Khuru Thị Y ký tên trên giấy. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2016, chị Y có đến nhà và hỏi chị mượn thêm số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thỏa thuận bằng lời nói, không thỏa thuận thời gian trả nợ, chị có ghi tiếp vào giấy mượn tiền lập ngày 27-7-2016, chị Y có ký tên nhận tiền trong giấy mượn tiền ngày 27-7-2016. Cùng ngày 27-7-2016, chị Y có hỏi mượn thêm

số tiền 5.000.000 đồng nhưng chị Y nói là mượn cho chị U và tự ký tên nhận tiền là U, ghi rõ họ tên là Khuru Thị U.

Tổng cộng cả ba lần mượn đều do một mình chị Khuru Thị Y nhận tiền và ký tên trong giấy mượn tiền với chị, tổng cộng số tiền chị cho chị Y mượn là 20.000.000 đồng. Chị có đến nhà và yêu cầu chị Y trả tiền nhiều lần nhưng chị Y không trả và có hứa bán đất sẽ trả, nhưng đến nay chị Y vẫn chưa trả cho chị.

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa, chị yêu cầu chị Khuru Thị Y có trách nhiệm trả cho chị số tiền là 20.000.000 đồng, nhưng đến ngày 27-9-2019, chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 27-7-2016 do chị Y mượn nhưng tự ký tên U, ghi rõ họ tên là Khuru Thị U trên giấy mượn tiền

Nay chị yêu cầu chị Khuru Thị Y có trách nhiệm trả cho chị số tiền 15.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 27-7-2016 và ngày 10-8-2016 do chị Y ký tên trên giấy, chị không yêu cầu trả lãi. Việc vay mượn này do một mình chị Y mượn chị, nên chị không yêu cầu chồng chị Y cùng có trách nhiệm trả. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn - Chị Khuru Thị Y: Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị Y vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Y đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng chị Y vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, Tòa án thụ lý vụ án ngày 03-01-2019. Ngày 06-5-2019 ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử 02 tháng kể từ ngày 06-5-2019 nhưng đến ngày 01-10-2019 Tòa án mới ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án có vi phạm về thời hạn xét xử là do tính chất phức tạp của vụ án, phải tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, nhưng không làm ảnh hưởng đến đường lối, tính khách quan trong việc giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Y đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự (năm 2005); Điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim T. Buộc chị Khuru Thị Y có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị Kim T số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu trả lãi. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền 5.000.000

đồng vay ngày 27-7-2016 có ký tên Khuru Thị U. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị Khuru Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu chị Y trả tiền vay là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Chị Y có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Y vắng mặt không lý do nên áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y. Chị Y phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 6, 72, 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại tòa, chị T yêu cầu chị Khuru Thị Y có trách nhiệm trả cho chị số tiền là 20.000.000 đồng, nhưng đến ngày 27-9-2019, chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 27-7-2016 ký tên U, ghi rõ họ tên là Khuru Thị U trên giấy mượn tiền. Xét thấy, việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị Khuru Thị Y là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T thì thấy rằng: Giữa chị T và chị Y đã giao kết với nhau hợp đồng dân sự vay tài sản, thể hiện là “Giấy mượn tiền” ngày 27-7-2016 với số tiền là 10.000.000 đồng, ngày 10-8-2016 với số tiền là 5.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, mặc dù chị Y đã được thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng chị Y vẫn không đến Tòa án để xác định số tiền còn nợ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cho chị T cung cấp và qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định chị Y còn nợ chị T số tiền 15.000.000 đồng. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu chị Y trả số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận chị T không yêu cầu chị Y trả tiền lãi và không yêu cầu chồng chị Y cùng có trách nhiệm trả.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng và được tòa án chấp nhận, nên theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định là 5% giá trị tài sản có tranh chấp, tương đương với số tiền án phí bị đơn phải nộp là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự (năm 2005); Điều 688 của Bộ luật dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim T về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Khuru Thị Y.

Buộc chị Khuru Thị Y có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Thị Kim T số tiền là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị Trịnh Thị Kim T không yêu cầu chị Khuru Thị Y trả tiền lãi.

Kể từ ngày 30-11-2019 cho đến khi thi hành xong, chị Khuru Thị Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Kim T với chị Khuru Thị Y đối với số tiền 5.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 27-7-2016 ký tên U, ghi rõ họ tên là Khuru Thị U trên giấy mượn tiền. Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Khuru Thị Y phải chịu 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Trịnh Thị Kim T số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0021791 ngày 03 tháng 01 năm 2019.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Y có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Vân

